

Số: 125/BC-TTYT

Giang Thành, ngày 28 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác y tế quý II năm 2025 và Phương hướng nhiệm vụ công tác quý III năm 2025

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ QUÍ II

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH:

Trong quý, Trung tâm Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, công tác khám chữa bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra, đã tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Tham mưu ban hành 32 Quyết định theo thẩm quyền quản lý¹
2. Ban hành 22 Công văn chỉ đạo²

¹ Trong đó: 01 QĐ phân công viên chức tham gia khóa đào tạo cấp chứng chỉ chuyên khoa phục hồi; 01 QĐ về việc kiện toàn Hội đồng Khoa học và công nghệ TTYT huyện Giang Thành; 01 QĐ về việc phê duyệt kết quả mua sắm thùng rác Y tế cho các Khoa Lâm sàng; 01 QĐ về việc phê duyệt kết quả mua sắm thùng dây bơm máy hóa sinh 1080; 01 QĐ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung ứng sửa chữa thay mới bộ phận; 01 QĐ Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung ứng sửa chữa máy sấy khô công nghệ; 01 QĐ về việc kiện toàn Tổ chỉ đạo tuyến TTYT huyện Giang Thành; 01 QĐ về việc bãi nhiệm cán bộ phụ trách công tác chuyên môn TYT xã Phú Mỹ Nguyễn Văn Rĩa; 01 QĐ về việc phân công cán bộ phụ trách công tác chuyên môn TYT Phú Mỹ Tiên Mết; 01 QĐ phân công viên chức người lao động khoá đào tạo cấp chứng chỉ; 01 QĐ về việc Ban hành Quy chế điều tra xử lý ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện Giang Thành; 01 QĐ Ban hành Nội quy tiếp công dân của TTYT Giang Thành. 01 QĐ về việc kiện hội đồng khoa học TTYT huyện Giang; 01 QĐ cử viên chức tham gia khóa đào tạo cấp chứng nhận cấp cứu và điều trị; 01 QĐ về việc tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành tại các cơ sở khám bệnh chữa bệnh; 01 QĐ về việc thành lập Đoàn khám phát hiện bệnh phong; 01 QĐ về việc thành lập tổ dinh dưỡng tiết chế thuộc TTYT Giang Thành; 01 QĐ về việc thành lập tổ khám đánh giá dinh dưỡng cho trẻ em trên địa bàn; 01 QĐ Thu hồi quyết định phân công viên chức quản lý điều hành phòng tài chính kế toán; 01 QĐ về việc giao chỉ tiêu công tác Y tế năm 2025; 01 QĐ thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá an toàn sinh học TTYT Giang Thành; 01 QĐ về việc thành lập đơn vị thông tin thuốc tại TTYT Giang Thành; 01 QĐ về việc thành lập đội dịch vụ thực hiện chiến dịch CSKSS KHHGD và nâng cao chất lượng; 01 QĐ về việc ban hành quy chế quản lý sử dụng kiểm tra bảo dưỡng bảo trì sửa chữa thay thế vật tư linh kiện bảo quản thiết bị. 01 QĐ Thành lập Tổ kiểm kê thuốc tại các Khoa Lâm sàng và các TYT xã; 01 QĐ về việc kiện toàn Hội đồng kiểm nhập thuốc hóa chất vật tư sinh phẩm y tế; 01 QĐ về việc ban hành quy trình đối chiếu và xác nhận công nợ Dược; 01 QĐ về việc phân công viên chức phụ trách An toàn bức xạ; 01 QĐ về việc kiện toàn Tổ quản lý chất lượng xét nghiệm; 01 QĐ về việc bãi nhiệm chức danh Thủ Quỹ; 01 QĐ về việc phân công người viên chức phụ trách thủ quỹ; 01 QĐ về việc thành lập Đoàn tư vấn khám sàng lọc

² Trong đó: Triển khai thực hiện thủ tục khi khám chữa bệnh theo Nghị định 02 và Thông tư 01/2025/BYT cho các khoa, phòng và Trạm Y tế; Lập danh sách khám sàng lọc và mô mắt cho người nghèo được 59 lượt người đăng ký; Rà soát tiền sử và tiêm chủng bù vắc xin cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học năm học 2024-2025; Tăng cường công tác phòng, chống bệnh cúm, sởi và các bệnh lây truyền qua đường hô hấp; Triển khai phân mềm tư vấn dinh dưỡng; Triển khai thực hiện Quyết định số 678/QĐ-BYT ngày 26/02/2025 của Bộ Y tế; Công văn số 639/TTYT-KHNV, ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Y tế Giang Thành về việc góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai Chương trình hợp tác phát triển y tế giữa TP. Hồ Chí Minh với tỉnh Kiên Giang năm 2025; hoạt động xét nghiệm Xpert 2X năm 2025; Công văn và thông báo trực công tác y tế trong dịp nghỉ lễ 30/4-01/5; góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường; đẩy mạnh chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 tại các cơ quan, đơn vị trong ngành y tế; chủ động tăng cường công tác phòng, chống bệnh dại; tăng cường công tác phân luồng, thu dung, điều trị và kiểm soát lây nhiễm Sởi trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tăng cường công tác

3. Thực hiện các báo cáo:

- Báo cáo kết quả khám bệnh chữa bệnh tích hợp thẻ BHYT và CCCD gửi về Tổ đề án 06 huyện.
- Báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Glôcôm thế giới năm 2025.
- Phối hợp phòng Tổ chức hoàn thành báo cáo thực trạng cấp cứu ngoại viện về Sở Y tế Kiên Giang.
- Báo cáo kiểm tra, đánh giá chấm điểm hệ y tế dự phòng năm 2024.
- Báo cáo kết quả góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai Chương trình hợp tác phát triển y tế giữa TP. Hồ Chí Minh với tỉnh Kiên Giang năm 2025.
- Báo cáo Công văn số 663/TTYT- TCHC, ngày 21 tháng 04 năm 2025 của Trung tâm Y tế Giang Thành về việc góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường.
- Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 và Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/2/2024 của Chính phủ
- Báo cáo kết quả triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm.
- Báo cáo công tác y tế trong dịp nghỉ lễ 30/4-01/5.
- Báo cáo công tác cấp cứu, khám chữa bệnh, phòng chống dịch trong dịp nghỉ lễ 30/4-01/5 năm 2025.
- Báo cáo số liệu ATGT trong dịp lễ 30/4-01/5 năm 2025.
- Báo cáo công tác triển khai, thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ tại TTYT Giang Thành (*Thời gian thực hiện từ năm 2022 đến ngày 11/4/2025*).
- Báo cáo về việc báo cáo kê đơn, sử dụng thuốc và tiêu thụ sản phẩm không phải là thuốc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo công văn 1137/CV - SYT ngày 21/4/2025 của Sở Y tế.
- Báo cáo tình hình hoạt động tâm thần 5 tháng đầu năm 2025 về Sở Y tế.

tiêm chủng vắc xin phòng, chống bệnh dại; tài liệu minh chứng nhập phần mềm chất lượng bệnh viện; tiến hành cập nhật minh chứng lên phần mềm; Công văn số 1324/SYT-NVY ngày 09 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc chủ động tăng cường công tác phòng, chống bệnh dại và các bệnh trên gia súc, gia cầm; Công văn số 1469/SYT-NVY ngày 21 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức dịch bổ sung vitamin A cho trẻ em đợt 1 năm 2025; Công văn số 1414/SYT-NVY ngày 16 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc V/v chủ động triển khai công tác phòng, chống bệnh COVID-19; Công văn số 1309/SYT-NVY ngày 09 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế Kiên Giang về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích của ngành y tế giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giai đoạn 2026-2030; Công văn số 1414/SYT-NVY ngày 16 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc V/v yêu cầu đẩy nhanh tiến độ chiến dịch tiêm vắc xin phòng, chống dịch Sởi đợt 2; Công văn số 1396/SYT-NVY ngày 16 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc tăng cường công tác phòng, chống bệnh tay chân miệng; Công văn số 845/TTYT - KHNH về việc tổ chức Hội thi “Triển khai và duy trì 5S hiệu quả”.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH:

1. Tổ chức nhân sự, đào tạo và chế độ chính sách:

- Tổng số 124 người (Trong đó biên chế 113; hợp đồng lao động 11)³
- Báo cáo điều chỉnh, tăng giảm về BHXH: 27 trường hợp.
- Tham mưu đào tạo ngắn hạn được 3 lớp: Phục hồi chức năng; Cấp cứu Răng hàm mặt; An toàn vận hành lò hơi (ATLĐ mức 3) tổng cộng có 04 viên chức, NLĐ tham gia.
- Cử 75 lượt viên chức tham gia tập huấn ngắn hạn.

2. Công tác thực hiện quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ, đường dây nóng, hòm thư góp ý, an ninh trật tự:

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch khảo sát sự hài lòng của nhân viên Y tế năm 2025.
- Nhập phiếu khảo sát sự hài lòng của nhân viên y tế
- Thực hiện khảo sát sự hài lòng của nhân viên y tế theo đoàn chấm điểm bệnh viện được 92/92 phiếu, tỷ lệ hài lòng chung đạt 40,02%.
- Tham mưu Xây dựng kế hoạch phối hợp với BCH Công đoàn thực hiện quy tắc ứng.
- Báo cáo hoạt động đường dây nóng quý I.
- Trong Quý II không ghi nhận thông tin phản ánh của người dân qua hòm thư góp ý và đường dây nóng.
- Tham mưu xây dựng kế hoạch phối hợp với công an xã Phú Lợi về đảm bảo công tác An ninh trật tự tại Trung tâm Y tế.
- Tham mưu đăng ký Đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2025 về công an tỉnh
- Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện công tác chuyển hoá địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội năm 2025
- Đăng ký danh sách tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan về Công an xã Phú lợi và Sở Y tế.
- Công tác Bảo vệ an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy đảm bảo chế độ thường trực 24/24h theo đúng qui chế. Công tác bảo trì thiết bị điện, nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng của đơn vị.

3. Công tác thi đua khen thưởng:

- Tiếp nhận bình xét thi đua xếp loại ABC của các đơn vị trực thuộc, kết quả trong

³ Trong đó: Bác sĩ: 29 (CKII: 01; CKI: 05; ThS:01; Bác sĩ đa khoa:22); Dược sĩ: 16(CKI: 01;DSDH: 10; DSCĐ: 05); Y sĩ: 30; Điều dưỡng: 16 (CNĐĐ: 13; CĐĐĐ: 03; Kỹ thuật viên: 05 (CNXN: 03;;CĐXN: 01, X quang: 01); Hộ sinh: 10 (CKI:1;CNHS: 08; HSTH: 01); Dân số viên: 04; kế toán 03; kỹ sư: 01; văn thư 01, CNTT: 01; Hộ lý 03; tài xế 02; bảo vệ, bảo trì : 03

quý II có 372 VCLĐ bình xét: Trong đó: Xếp loại A: 307 lượt VCLĐ; Xếp loại B: 0 lượt VCLĐ; Không bình xét có lý do: 30 lượt VCLĐ (09 trường hợp nghỉ hậu sản; 02 đi học; 05 kỷ luật; 01 không hưởng lương) 35 trường hợp không xét do không nộp báo cáo xét abc: Khoa HSCC; Khoa hoạt động lồng ghép; khoa Dược; TYT xã Phú Lợi

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua hiến máu tình nguyện và vận động hiến máu tính nguyện năm 2025

- Tham mưu triển khai cuộc thi trực tuyến “Nâng cao nhận thức phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ sau chiến tranh ở Việt Nam

4. Công tác văn thư lưu trữ, báo cáo thống kê:

- Công tác thống kê báo cáo, cập nhật công văn qua thư điện tử, gmail được đảm bảo theo đúng quy định, mỗi ngày tối thiểu 2 lần, (sáng 8 giờ và 16 giờ cùng ngày). Kịp thời triển khai đến các Khoa, Phòng có liên quan tham mưu để thực hiện.

- Tiếp nhận 529 văn bản, ban hành 406 văn bản. Công tác lưu trữ văn bản đảm bảo đúng qui định. Quản lý tốt con dấu, văn bản mật của đơn vị.

III. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH:

- Thực hiện thu, chi, sử dụng ngân sách nhà nước theo dự toán ngân sách được phân bổ và phê duyệt đảm bảo đúng, đủ, tiết kiệm và hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế tài chính, các văn bản hướng dẫn, quy chế chi tiêu nội bộ trong nhiệm vụ chi ngân sách Nhà nước.

IV. CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG:

1. Chương trình Tiêm chủng:

Tiêm chủng thường xuyên: được duy trì vào ngày 25-27 hàng tháng tại 05 Trạm Y tế xã, các đối tượng được khám phân loại trước tiêm, các mũi tiêm đều đảm bảo theo đúng quy trình, an toàn, không có tai biến. Công tác tiêm chủng được tổ chức và bố trí khám phân loại trước tiêm, các mũi tiêm đều đảm bảo theo đúng quy trình, an toàn, không tai biến. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư và an toàn trong tiêm chủng. Số trẻ em <5 tuổi được tiêm MĐĐĐ 99/474 trẻ đạt 21% so với kế hoạch năm, tăng 6% so với cùng kỳ; Số phụ nữ có thai tiêm ngừa uốn ván 90/474 người đạt 19% so với kế hoạch năm, giảm 1% so với cùng kỳ.

Triển khai uống vắc xin Rota cho trẻ dưới 1 tuổi trên đại bàn huyện được 100 trẻ.

Tiêm ngừa dịch vụ: Tiêm đại được: 35 liều, Tiêm uốn ván được: 33 liều

2. Phòng, chống dịch bệnh (Số liệu từ ngày 01/3/2025 đến 31/5/2025):

* Bệnh Sốt xuất huyết: Ghi nhận 01 ca Sốt xuất huyết tại xã Phú Lợi

* Bệnh Tay chân miệng: Ghi nhận 02 ca Tay chân miệng (Phú Mỹ 01, Tân Khánh Hoà 01)

* Bệnh Sốt phát ban nghi sởi: Ghi nhận 07 ca (Phú Mỹ 01, Tân Khánh Hoà 02, Vĩnh Điều 02, Phú Lợi 02).

* Các bệnh truyền nhiễm khác: Các bệnh truyền nhiễm khác không ghi nhận.

- Tổ chức truyền thông trực tiếp chuyên đề phòng, chống bệnh truyền nhiễm, tuyên truyền các bệnh như Sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng tại các điểm trường và cấp áp trên địa bàn huyện được 10 cuộc với 528 người tham dự.

- Tham dự lớp tập huấn về giám sát phòng, chống bệnh sởi, xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch và thống kê báo cáo bệnh truyền nhiễm năm 2025.

- Thực hiện tốt công tác thống kê báo cáo theo TT54, Báo cáo ngày, tuần, tháng theo quy định.

3. Phòng chống các bệnh xã hội và bệnh nguy hiểm cho cộng đồng

3.1. Chương trình phòng, chống Phong:

- Duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức phòng, chống bệnh phong ngoài cộng đồng.

- Trong quý chương trình phòng, chống bệnh Phong không ghi nhận cas bệnh mới nào.

- Tổng số bệnh nhân Phong hiện tại đang quản lý là 05 cas. (05 cas sẵn sóc tàn tật).

- Trong quý triển khai khám phát hiện bệnh phong ở các điểm nguy cơ cao trong toàn huyện:

+ Số điểm: 10 điểm.

+ Cấp tờ rơi: 1350 tờ.

+ Khám điều tra sàng lọc: 1244 người.

+ Bệnh da: 206 bệnh.

3.2. Chương trình phòng, chống Sốt rét:

- Duy trì công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức phòng, chống sốt rét trong cộng đồng.

- Trong quý chương trình phòng, chống bệnh Sốt Rét không ghi nhận cas bệnh mới nào.

- Triển khai ngày truyền thông Thế giới Phòng, chống Sốt rét 25/04/2025.

3.3. Chương trình sức khỏe tâm thần

- Duy trì tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức về bệnh tâm thần, động kinh và hướng dẫn phục hồi chức năng.

- Thực hiện tốt việc quản lý, giám sát, cấp phát thuốc đầy đủ cho bệnh nhân trên địa bàn.

- Trong quý không ghi nhận cas bệnh mới .

- Số lượt khám bệnh: 159 cas.
- Tổng số bệnh nhân hiện tại đang quản lý là: 53 cas. (Trong đó tâm thần phân liệt: 21 cas, Động kinh: 32 cas).

4. Phòng chống bệnh không lây nhiễm:

4.1. Chương trình phòng chống bệnh bướu cổ:

- Duy trì thực hiện tốt công tác truyền thông tuyên truyền, vận động người dân sử dụng muối Iode và các thực phẩm có trộn lẫn Iode, đặc biệt quan tâm nhiều đến đối tượng ở vùng sâu vùng xa còn thiếu kiến thức về phòng chống bệnh bướu cổ.

- Điều tra KAP bà mẹ có con dưới 5 tuổi: 24 người

4.2. Chương trình phòng chống bệnh Đái tháo đường:

- Duy trì tốt công tác truyền thông tuyên truyền, giáo dục kiến thức phòng chống bệnh Đái tháo đường.

- Thực hiện tốt công tác khám sàng lọc phát hiện bệnh ĐTĐ tại Trung tâm Y tế huyện và 05/05 Trạm Y tế xã.

+ Tổng số khám sàng lọc bệnh nhân ĐTĐ tại cộng đồng trong quý: 1846 người.

+ Tổng số bệnh nhân ĐTĐ được quản lý điều trị tại trạm y tế xã trong quý: 467 người.

4.3. Chương trình phòng chống bệnh Tăng huyết áp:

- Duy trì tốt công tác truyền thông tuyên truyền, giáo dục kiến thức phòng chống bệnh Tăng huyết áp.

- Thực hiện tốt công tác khám sàng lọc phát hiện bệnh Tăng huyết Áp tại Trung tâm Y tế huyện và 05/05 Trạm Y tế xã.

+ Tổng số phát hiện thông qua khám sàng lọc Tăng huyết Áp tại cộng đồng trong quý: 57 người.

+ Tổng số bệnh nhân Tăng huyết Áp được quản lý điều trị tại trạm y tế xã trong quý: 617 người.

5. Chương trình phòng, chống Dinh dưỡng:

5.1. Chương trình dinh dưỡng.

Duy trì thực hiện tốt công tác bổ sung Vitamin A cho trẻ em nguy cơ, trẻ tiêu chảy cấp, trẻ sốt phát ban... trên địa bàn các xã.

5.2. Chương trình Vitamin A.

- Duy trì thực hiện tốt công tác truyền thông tuyên truyền, vận động người dân sử dụng đầy đủ các vi chất dinh dưỡng cho trẻ em để giảm thiểu tối đa suy dinh dưỡng trẻ em trong cộng đồng. Nói chuyện chuyên đề sức khỏe về cải thiện chăm

sóc dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Giang Thành năm 2025 với 300 lượt người dân tham dự.

- Trong quý thực hiện: Kế hoạch “nói chuyện chuyên đề sức khỏe về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Giang Thành năm 2025”; Kế hoạch Dinh dưỡng- Vitamin A quý II; Kế hoạch Giám sát Dinh dưỡng – Vitamin A quý II. xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1, kết hợp cân trẻ dưới 5 tuổi và uống vitamin A đợt 2 năm 2025; Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông hưởng ứng Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1 “ngày Vi chất dinh dưỡng” và cân trẻ dưới 5 tuổi năm 2025; Kế hoạch giám sát Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1, kết hợp cân trẻ và uống vitamin A đợt 2 năm 2025.

6. Chương trình Sức khỏe môi trường – Y tế trường học:

6.1. Chương trình VSMT:

- Trong quý thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân sử dụng nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh.

- Kiểm tra, giám sát nhà tiêu hộ gia đình trên địa bàn: 119 cơ sở.

6.2. Chương trình Y Tế trường học:

- Công tác Y tế trường học luôn được duy trì.

- Số trường học được kiểm tra, giám sát các nội dung Y tế trường học trong quý được: 01 trường.

- Số trường học được hướng dẫn về công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh trong quý được: 02 trường.

6.3. Chương trình NHĐ:

- Công tác Nha học đường tại các điểm trường luôn được duy trì.

- Số HS được khám sức khỏe răng miệng trong quý được: 834 học sinh.

7. Chương trình phòng, chống HIV/AIDS:

- Trong quý II/2025 ghi nhận 03 ca nhiễm mới (tại Tân Khánh Hoà 02, Vĩnh Phú 01). Tử vong 01 cas (tại Vĩnh Phú).

- Hiện tại ở địa phương là: 52 cas. Trong đó (còn sống: 29; Tử vong: 23) và 04 cas chuyển nơi khác.

- Phối hợp với Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh thực hiện công tác tư vấn, xét nghiệm sàng lọc cho nhóm đối tượng nguy cơ, phụ nữ mang thai, người mắc bệnh Lao, Khám tuyển NVQS được 255 trường hợp.

- Phối hợp với Trường THPT Thoại Ngọc Hầu và các Trạm Y tế xã tổ chức Nói chuyện sức khỏe về chuyên đề phòng, chống HIV/AIDS được 08 cuộc với 300 người tham dự.

8. Chương trình phòng chống Lao:

- Duy trì tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức phòng, chống bệnh lao ngoài xã hội.

- Trong quý ghi nhận: 12 cas. Trong đó:

+ Lao phổi AFB(+) mới: 11

+ Lao phổi AFB(+) thất bại: 01

- Số BNQL điều trị: 67 cas

- Số người xét nghiệm lao: 111 người

- Cấp thuốc lao BHYT được: 73 lượt

- Giám sát chương trình: 15 lượt, vãng gia bệnh nhân: 30 bệnh

9. Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Tổng số áp dụng biện pháp tránh thai 1.861 lượt⁴.

- Tổng số sanh 120 người (tại khoa CSSKSS là 14 người).

- Khám phụ khoa 1.647/5.488 lượt đạt 30 % (tại khoa CSSKSS: 45 lượt); Điều trị phụ khoa: 590/2.470 lượt đạt 23,9 % (tại khoa sản 18 lượt)

10. Chương trình An toàn thực phẩm:

Toàn huyện có 161 cơ sở (sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố) thuộc phân quyền quản lý của Y tế.

- Thanh tra, kiểm tra: 37 cơ sở cụ thể như sau:

+ KD thực phẩm: 01 cơ sở, đạt 01 cơ sở.

+ KD thức ăn đường phố: 28 cơ sở, đạt 28 cơ sở.

+ KD dịch vụ ăn uống: 08 cơ sở, đạt 05 cơ sở.

- Nhận và cấp phát băng rôn cho 5 Trạm Y tế: 25 cái.

- Phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh: 22 lượt.

- Băng rol, khẩu hiệu 25 cái.

- Kiểm tra ATTP phục vụ tiệc chiêu đãi buffet chay đền thờ Anh hùng liệt sĩ, lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong hy sinh trên tuyến đường 1C.

V. CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH:

1. Công tác khám chữa bệnh:

TT	Khám bệnh, chữa bệnh	Đơn vị tính	Thực hiện quý II/2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện quý II/2025	% đạt năm 2025	So sánh cùng kỳ
1	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	16.159	55.000	18.544	33,7%	↑2.385

⁴ Trong đó: Đặt vòng: 399; Thuốc uống: 550; Thuốc tiêm: 166; thuốc cấy: 01; Bao cao su: 805 lượt.

	► Khám BHYT	Lượt	3.815		4.419		↑604
	► Khám chữa bệnh YHCT hoặc kết hợp với YHCT	Lượt	977 lượt (chiếm 3,7% tổng số lượt KCB)	2035	787 lượt (chiếm 4,2% tổng số lượt KCB)	30,2%	↓190
2	Tổng số lượt điều trị nội trú	Lượt	305	1.200	338	28,2%	↑33
3	Công suất sử dụng giường bệnh	%	31,9	50	40,1	80,2%	↑8,2
4	Tỷ lệ bệnh nhân nội trú điều trị khỏi đỡ giảm	%	81,9	89	90,4	101,5%	↑8,5
5	Ngày điều trị bình quân 1BN nội trú	Ngày	3,9	5	4,3	86%	↑0,4

2. Công tác Cận lâm sàng:

Tổng số kỹ thuật xét nghiệm: 5,718 lượt, X-quang 533 lượt, điện tim 403 lượt, siêu âm 69 lượt.

3. Công tác Điều dưỡng:

- Phối hợp cùng với các khoa phòng liên quan để triển khai công tác chăm sóc người bệnh tại đơn vị.

- Thực hiện tốt công tác điều dưỡng, tổ chức thực hiện công tác chăm sóc người bệnh theo quy định.

- Theo dõi việc thực hiện công tác trực và hành hành của điều dưỡng tại các khoa

- Triển khai họp Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện 2 cuộc, qua các cuộc họp người bệnh và người nhà người bệnh đánh giá tốt việc thực hiện công tác chuyên môn và quy tắc ứng xử của nhân viên y tế tại đơn vị.

- Triển khai họp điều dưỡng trưởng bệnh viện hàng tuần theo quy chế làm việc.

- Nhập hệ thống phần mềm khảo sát ý kiến sự hài lòng người bệnh nội trú và ngoại trú quý I/2025. Báo cáo khảo sát ý kiến sự hài lòng người bệnh nội trú và ngoại trú quý I/2025.

- Xây dựng Quy định đi buồng của Điều dưỡng trưởng khoa.

- Tham gia chấm điểm chất lượng bệnh viện năm 2024-2025.

- Tham mưu thành lập Ban tổ chức, Ban giám khảo, Tổ thư ký và bảng chấm điểm Hội thi “Triển khai và duy trì 5S hiệu quả”.

- Phối hợp cùng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên trưởng khoa thực hiện đi buồng kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc người bệnh thực hiện đúng các quy định, kỹ thuật chuyên môn 04 lượt.

4. Công tác Kiểm soát nhiễm khuẩn:

Công tác kiểm soát nhiễm khuẩn thực hiện nghiêm túc, thực hiện công tác thu gom xử lý chất thải theo đúng quy định, đảm bảo đầy đủ các vật tư tiêu hao phục vụ công tác khám chữa bệnh, xử lý dụng cụ sau khi thực hiện kỹ thuật của các khoa lâm sàng theo đúng quy trình, tiến hành hấp sấy, tiệt trùng đảm bảo đúng thời gian, nhiệt độ theo quy định, phân rõ ràng khu vực bàn giao dụng cụ bẩn và dụng cụ sạch, đảm bảo theo cơ chế 1 chiều⁵.

Trong quý giám sát vệ sinh tay được 03 lượt.

5. Công tác Dược:

Thực hiện đúng quy trình hướng dẫn của Sở Y tế chỉ đạo, danh mục thuốc thiết yếu sử dụng trong khám chữa bệnh, đảm bảo đủ thuốc thiết yếu theo quy định của Bộ Y tế. Đối với Trạm Y tế đã trang bị đầy đủ các tủ thuốc cấp phát BHYT đáp ứng mặt hàng thuốc thiết yếu theo danh mục của Bộ Y tế.

Tình hình quản lý sử dụng các nguồn thuốc viện trợ, thuốc thuộc các chương trình y tế - dân số theo hướng dẫn của Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Thực hiện thông tin thuốc cho bác sĩ, điều dưỡng về thuốc, thuốc mới, chất lượng thuốc, phản ứng có hại của thuốc, sự cố trong sử dụng thuốc, các khuyến cáo về thuốc của cơ quan quản lý... bằng các hình thức khác nhau (như thông báo tại bảng tin bệnh viện, thông báo đến khoa/phòng, tại buổi giao ban bệnh viện).

Về theo dõi phản ứng có hại của thuốc: có qui trình giám sát phản ứng có hại của thuốc và triển khai cho các khoa cùng thực hiện.

Triển khai phần mềm quản lý việc xuất nhập, sử dụng thuốc tại các khoa điều trị một cách chính xác, hiệu quả.

Đảm bảo chặt chẽ trước khi duyệt và cấp phát thuốc theo bảng kê thuốc chính xác, đầy đủ kịp thời, đúng thuốc tránh nhầm lẫn, thực hiện đúng các qui định về cấp phát thuốc trong kho. Hệ thống kho thuốc xây dựng theo nguyên tắc “Thực hành tốt bảo quản thuốc”. Có quy định về bảo quản thuốc. Kho thuốc được bố trí thoáng mát, thuận tiện cho việc xuất, nhập thuốc, có trang thiết bị việc theo dõi, bảo quản thuốc: giá kê, nhiệt kế, ẩm kế, quạt thông gió, điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh.

Các trang thiết bị được lập hồ sơ quản lý trang thiết bị y tế theo quy định, xây dựng nội quy, quy trình vận hành trang thiết bị y tế, theo dõi quá trình sử dụng tại

⁵ Kết quả xử lý trong quý: chất thải lây nhiễm 229 kg, chất thải y tế thông thường 1.662 kg; chất thải tái chế 244 kg; xử lý dụng cụ 887bộ; xử lý đồ vải 1.695kg.

các khoa sử dụng. Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, kiểm định trang thiết bị y tế định kỳ theo quy định.

VI. CÔNG TÁC DÂN SỐ- TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE

1. Công tác thực hiện các đề án Dân số:

1.1. Công tác truyền thông giáo dục về dân số và phát triển

Tổ chức các hoạt động truyền thông các vấn đề đang đặt ra đối với công tác dân số và phát triển: chăm sóc SKSS VTN/TN, MCBGTKS, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, cơ cấu dân số vàng, già hóa dân số, chăm sóc sức khỏe NCT, tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân... được 236 cuộc có 8.127 người dự.

Tiếp nhận và phân bổ cho 5 xã từ rơi⁶ chương trình, đề án công tác dân số năm 2025.

1.2. Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

Tiếp nhận và cấp cho xã:

- Vòng tránh thai: 312 cái.
- Thuốc sử dụng cho vòng là Doxycyline: 1.248 viên và Harine (Spas): 2.002 viên.

1.3. Chương trình Điều chỉnh mức sinh

Thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số tại vùng có mức sinh thấp năm 2025⁷.

1.4. Đề án “Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh”

Truyền thông về “Kiến thức chăm sóc sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính vị thành niên/thanh niên, mất cân bằng giới tính khi sinh cho học sinh” năm 2025 tại trường THCS Tân Khánh Hoà, Phú Mỹ, Vĩnh Phú B và học sinh THPT Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Vĩnh Điều và THPT Thoại Ngọc Hầu được 900 học sinh.

1.5. Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

⁶ - Hội chứng Down, Tam sắc thể 18 và 13: 100 tờ; Mất cân bằng giới tính khi sinh đã để lúc chúng ta cần hành động: 100 tờ; Viêm nhiễm đường sinh sản: 100 tờ; An toàn sức khỏe sinh sản hôm nay tương lai hạnh phúc ngày mai: 100 tờ; Dự tật ống thần kinh: 100 tờ; Chăm sóc NCT là trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội: 100 tờ; Người cao tuổi cần được sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc: 100 tờ; Hãy quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ để trở thành người con, người cháu hiếu thảo: 100 tờ; Xâm hại tình dục trẻ em là tội ác: 100 tờ; Chăm nang bồi dưỡng Dân số và phát triển cho Ban chỉ đạo dân số và phát triển các cấp: 5 cuốn.

⁷ - Kết quả đạt được: Khám phụ khoa 300/300 ca đạt 100%; Điều trị phụ khoa: 165/165 ca đạt 100%; Đặt vòng 239/239 ca đạt 100%; Thuốc tiêm 50/50 ca đạt 100%; Bao cao su: 843/843 ca đạt 100%; Thuốc uống: 358 ca đạt 100%; Thuốc cấy: 01/01 ca đạt 100%; Siêu âm thai 0/60 đạt 00%. Công tác tuyên truyền: Số nam/nữ thanh niên được cung cấp về hệ lụy của mức sinh thấp và lợi ích của việc sinh đủ 2 con được 330 người; Số nam/nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn có nhu cầu được tư vấn về khám sức khỏe trước hôn nhân được 63; Số nam/nữ thanh niên có nhu cầu được tư vấn phòng tránh vô sinh được 86 người; Số cặp vợ chồng chưa có con hoặc có 01 con được tuyên truyền vận động sinh đủ 2 con: 236 người; Tư vấn tầm soát ung thư cổ tử cung: 255 người.

Khám người cao tuổi được 295 người, trong đó: Trung tâm Y tế huyện tổ chức tư vấn và khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi tại xã Vĩnh Điều và Vĩnh Phú, kết quả khám được 100/100 cụ đạt 100% chỉ tiêu chỉ cục Dân số tỉnh hỗ trợ.

1.6. Thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu Dân số-KHHGD

Thực hiện 4 biện pháp tránh thai được: 179 người.

Sàng lọc trước sinh: 10 người và sàng lọc sau sinh: 07 trẻ.

2. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe:

Tư vấn sức khỏe: 3028 lần, số người được truyền thông: 3028 người.

Thảo luận nhóm: 69 lần, số người được truyền thông: 483 người.

Thăm hộ gia đình: 1907 lần, số người được truyền thông: 1920 người.

Gửi tin, bài đăng Bản tin Sức khỏe Kiên Giang: 09 tin, bài, Trung tâm Văn hoá – Thể thao và Truyền thanh: 27 tin, bài.

Truyền thanh trên hệ thống phát thanh xã và Trạm Y tế: 66 tin, bài với 128 lượt phát thanh.

VII. HOẠT ĐỘNG TRẠM Y TẾ XÃ:

Đảm bảo công tác thường trực 24/24. Công tác khám chữa bệnh đảm bảo thực hiện đúng các quy trình khám chữa bệnh Bộ Y tế ban hành. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thực hiện chuẩn quốc gia về y tế theo Quyết định 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023.

Công tác phòng chống dịch bệnh tại các xã được đảm bảo, không xảy ra các ổ dịch lớn trên địa bàn, công tác truyền thông phòng chống dịch bệnh được duy trì thường xuyên.

VIII. CÔNG TÁC PHỐI KẾT HỢP:

- Triển khai phối hợp với BV Tim Tâm Đức Sài Gòn khám bệnh tim bẩm sinh được 188 lượt khám trong đó có 152 trẻ dưới 17 tuổi, ghi nhận 02 cas bệnh tim bẩm sinh.

- Phối hợp với Đoàn biên phòng Phú Mỹ, Vĩnh Điều, Tân Khánh Hoà và Trung tâm KSBT tỉnh khám sàng lọc bệnh phong được: 748 lượt (Trong đó khám sàng lọc bệnh da: 90 lượt).

- Phối hợp với Hội chữ Thập đỏ tỉnh Kiên Giang tổ chức khám cấp thuốc, tặng quà miễn phí cho 155 lượt người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã tại.

- Các Trạm Y tế xã phối hợp với trường cấp II, III thực hiện tiêm vắc xin phòng bệnh sởi cho các em học sinh; Phối hợp với Phụ nữ xã, ấp thực hiện tuyên truyền vận động chị em phụ nữ tham gia chiến dịch Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình; cùng với lãnh đạo các ấp tổ chức cấp phát vi chất cho trẻ em dưới 16 tuổi thuộc chương trình giảm nghèo bền vững.

IX. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ:

1. Ưu điểm:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Y tế, Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Giang Thành về công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh tạo điều kiện cho Trung tâm Y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn, cũng như mua sắm các trang thiết bị chuyên môn phục vụ công tác chuyên môn.

- Tình hình dịch bệnh trên địa bàn tương đối ổn định, công tác phòng chống dịch luôn được ưu tiên hàng đầu, chủ động kiểm soát các bệnh truyền nhiễm, triển khai các biện pháp phòng, chống dịch hiệu quả, không để bị lây lan bùng phát thành dịch lớn.

- Công tác ATTP được đảm bảo chưa ghi nhận cas ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

- Các Trạm Y tế đảm bảo công tác chuyên môn và dự phòng, thực hiện tốt công tác phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

2. Hạn chế, khó khăn:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế thực hiện các kỹ thuật cận lâm sàng còn thiếu chưa đa dạng về chủng loại ảnh hưởng đến công tác chẩn đoán bệnh, cũng là nguyên nhân dẫn đến thu hút lượt bệnh tại đơn vị. Các kỹ thuật xét nghiệm mới triển khai chưa được các khoa lâm sàng khai thác tốt, còn ít chỉ định nên việc duy trì máy móc, hóa chất vật tư gặp nhiều khó khăn do không thường xuyên được sử dụng.

Công tác phối kết hợp kiểm tra liên ngành An toàn thực phẩm, một số Ban ngành đoàn thể tuyến huyện chưa thực hiện hết trách nhiệm trong việc tham mưu ban hành các Kế hoạch Ban chỉ đạo, Quyết định thành lập đoàn kiểm tra.

Một số hóa chất vật tư chưa được cung ứng kịp thời dẫn đến việc phải tạm ngưng một số dịch vụ xét nghiệm. Do Hội đồng kiểm nhập các kho và Hội đồng kiểm kê tại các khoa của Khoa Dược – TTB – VTYT hiện tại chưa kiện toàn được do thiếu thành viên của phòng Tài chính – Kế toán theo quy định.

Cơ sở vật chất: chưa đáp ứng công tác bảo quản theo quy định (chưa bố trí riêng được kho hóa chất, kho trang thiết bị y tế).

Phần II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÍ III NĂM 2025

Ngoài các nhiệm vụ thường xuyên như công tác phòng, chống dịch bệnh, truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, trong Quý III/2025 Trung tâm Y tế Giang Thành tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục tăng cường công tác phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể xã, ấp Tổ chức các hoạt động truyền thông các vấn đề đang đặt ra đối với công tác dân số và phát triển: chăm sóc SKSS VTN/TN, MCBGTKS, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, cơ cấu dân

số vàng, già hóa dân số, chăm sóc sức khỏe NCT, tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân; truyền thông giáo dục sức khỏe,...

2. Tiếp tục thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số tại vùng có mức sinh thấp năm 2025.

3. Tham mưu họp triển khai Quy trình hội chẩn tại Trung tâm Y tế huyện Giang Thành.

4. Tham mưu Thành lập Tổ xây dựng định mức và triển khai Công văn hướng dẫn xây dựng định mức tạm thời thuốc, hoá chất, vật tư tiêu hao thực hiện kỹ thuật, dịch vụ y tế.

5. Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn, đồng thời quản lý tốt các ổ dịch cũ, chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh, tăng cường công tác điều tra, giám sát người dân nhập cư từ các nước về địa phương, quản lý tốt tình hình dịch bệnh truyền nhiễm, Sốt xuất huyết, tay chân miệng, đậu mùa khỉ... trên địa bàn. Đảm bảo đủ thuốc, vật tư, hóa chất cho công tác phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện nghiêm túc công tác thông kê báo cáo BTN theo thông tư 54/2015/TT-BYT. Kiểm tra, giám sát các ổ dịch cũ đánh giá mật độ, chỉ số muỗi và lăng quăng đánh giá mức độ nguy cơ xảy ra dịch nhằm chủ động xử lý tốt không để ổ dịch lớn xảy ra. Triển khai hưởng ứng Ngày Asean phòng, chống Sốt xuất huyết lần thứ 15 năm 2025.

6. Phối hợp Khoa CSSKSS và Khoa Xét nghiệm- CĐHA thực hiện tốt công tác tư vấn xét nghiệm phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền về phòng, chống bệnh truyền nhiễm HIV/AIDS đến người dân trên địa bàn huyện.

7. Duy trì thực hiện tốt công tác truyền thông tuyên truyền, vận động người dân sử dụng đầy đủ các vi chất dinh dưỡng cho trẻ em để giảm thiểu tối đa suy dinh dưỡng trẻ em trong cộng đồng. Triển khai Kế hoạch triển khai Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1, kết hợp cân trẻ dưới 5 tuổi và uống vitamin A đợt 2 năm 2025; Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông hưởng ứng Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1 “ngày Vi chất dinh dưỡng” và cân trẻ dưới 5 tuổi năm 2025; Kế hoạch giám sát Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1, kết hợp cân trẻ và uống vitamin A đợt 2 năm 2025.

8. Triển khai kế hoạch tiêm vắc xin Phòng chống dịch sởi cho trẻ từ đủ 6 tháng đến dưới 9 tháng tuổi trên địa bàn huyện. Tập trung chỉ đạo công tác tiêm chủng mở rộng để đạt tỷ lệ tiêm chủng mở rộng trên đề ra. Quản lý tốt hoạt động tiêm chủng dịch vụ, áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia. Rà soát lại số đối tượng chưa được tiêm chủng trong thời gian thiếu vắc xin để triển khai tiêm bù, tiêm vét khi có nguồn vắc xin cung cấp về.

9. Tham mưu đào tạo lớp ngắn hạn chuyên môn: xét nghiệm, nuôi con bằng sữa mẹ và một số lớp đào tạo ngắn hạn khác khi có thông báo.

10. Kiện toàn Tổ QL CLBV 2025, mạng lưới CLBV 2025, xây dựng các đề án Tổ QLCL BV 2025, quy chế HĐQLCL BV 2025.

11. Tham mưu lãnh đạo công tác chấm điểm Hội thi “Triển khai và duy trì 5S”.

12. Phối hợp các ngành triển khai công tác giám sát môi nguy ô nhiễm thực phẩm năm 2025 trên địa bàn huyện Giang Thành.

13. Xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên ngành an toàn thực phẩm “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2025.

14. Tổ chức khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi năm 2025.

15. Báo cáo phòng chống tham nhũng và khiếu nại tố cáo tháng 7,8,9 và quý III năm 2025.

16. Triển khai kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ năm 2025.

17. Triển khai kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng năm 2025.

18. Đăng ký thi đua khối 4 năm 2025.

19. Ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Y tế huyện Giang Thành.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế quý II năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ quý III năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Giang Thành.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- UBND huyện;
- Huyện ủy;
- Ban Tuyên giáo huyện;
- Chi cục thống kê huyện;
- Các Khoa, Phòng, Trạm Y tế;
- Website TTYT;
- Lưu: VT, ntkthoa.

KT. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG GIÁM ĐỐC



Hồ Hữu Phước

1994 10 10 10:00 AM
10/10/94 10:00 AM



(Kèm theo Báo cáo số 25/BC-TTYT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Giang Thành)

[illegible]

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
1	Số trẻ <1 tuổi được tiêm MDDĐ	Trẻ	474	99	20.9		0		91	19	20.9	60	12	20.0	96	12	12.5	121	27	22.3	106	29	27.4
	- Tỷ lệ đạt	%	≥95				0		≥95	0		≥95	0		≥95	0		≥95	0		≥95	0	
2	Phụ nữ có thai được tiêm ngừa UV2+	Người	474	111	23.4		0		91	20	22.0	60	11	18.3	96	17	17.7	121	32	26.4	106	31	29.2
	- Tỷ lệ đạt	%	≥90				0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0	
3	Số trẻ <1 tuổi được tiêm viêm gan B trước 24 giờ	Trẻ	474	119	25.1		0		91	25	27.5	60	14	23.3	96	23	24.0	121	30	24.8	106	27	25.5
	- Tỷ lệ đạt	%	≥90				0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0	
4	Viêm não Nhật Bản mũi 2	Trẻ	477	92	19.3		0		90	19	21.1	70	10	14.3	117	21	17.9	100	16	16.0	100	26	26.0
	- Tỷ lệ đạt	%	≥90				0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0	
5	Viêm não Nhật Bản mũi 3	Trẻ	477	79	16.6		0		90	21	23.3	70	3	4.3	117	14	12.0	100	15	15.0	100	26	26.0
	- Tỷ lệ đạt	%	≥90				0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0	
6	DPT4	Trẻ	477	91	19.1		0		90	20	22.2	70	11	15.7	117	15	12.8	100	22	22.0	100	23	23.0
	- Tỷ lệ đạt	%	≥90				0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0		≥90	0	
7	Sởi-Rhella 18 tháng	Trẻ	477	92	19.3		0		90	20	22.2	70	9	12.9	117	13	11.1	100	27	27.0	100	23	23.0
	- Tỷ lệ đạt	%	≥95				0		≥95	0		≥95	0		≥95	0		≥95	0		≥95	0	
B	Phòng chống SXH						0																
1	Không chế tỷ lệ mắc < 150/100.000 dân hàng năm	Người	24	1	4.2		0		4	0	0	2	1	50	6	0	0	6	0	0	6	0	0
2	Tỷ lệ Chết/mắc (< 0.09%)	%	-	0			0		-	0	0	-	0	0	-	0	0	-	0		-	0	0
3	3% tỉ lệ cas lâm sàng SXHD được xét nghiệm	Mẫu	1	0	0	1	0		-	0	0	-	0	0	-	0	0	-	0		-	0	0
4	3% tỉ lệ cas lâm sàng SXHD được chẩn đoán	Mẫu	1	0	0	1	0		-	0	0	-	0	0	-	0	0	-	0		-	0	0
5	Số điểm giám sát véc tơ thường xuyên (mỗi huyện 1	Điểm	1	3	300		0		-	0	0	-	0	0	-	0	0	1	3	300	-	0	0
6	Giám sát dịch tễ cộng đồng (10% số xã)	Xã	1	3	300		0		-	0	0	-	0	0	-	0	0	1	3	300	-	0	0
C	Phòng chống Phong						0																
1	Số người khám phát hiện	Người	1.200	1.244			0		250	300	120	250	276	110	250	218	87.2	250	230	92.0	200	220	110
2	Số BN mới phát hiện	BN	1	0	0	1	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
3	Số BN quản lý điều trị	BN	5	5	100		0		2	2	100	2	2	100	1	1	100	0	0	0	0	0	
5	Số lớp tập huấn	Lớp	0	0	0		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Số BN chăm sóc tàn tật	BN	5	5	100		0		2	2	100	2	2	100	1	1	100	0	0	0	0	0	
5	Số điểm triển khai	Điểm	5	0	0		0		1		0	1		0	1		0	1		0	1		0
6	Khám bệnh da tại cộng đồng	BN	200	206	103		0		40	43	107.5	40	38	95.0	40	36	90.0	40	47	117.5	40	42	105
III	CHƯƠNG TRÌNH SÓT RẾT						0																
1	Số lam xét nghiệm	Lam	200	0	0		0		40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0
2	Số lượt bệnh nhân điều trị	Lượt	0	0	0		0		0	0		0	0	0	0	0		0	0		0	0	
3	Tỷ lệ mắc SR/1.000 dân	‰	0,005	0	0		0		0	0		0	0	0	0	0		0	0		0	0	
4	Dân số được bảo vệ bằng hóa chất	BN	0	0	0		0		0	0		0	0	0	0	0		0	0		0	0	
IV	PHÒNG CHỐNG BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM						0																
A	Phòng chống bướu cổ						0			0			0			0			0			0	
1	Giám sát muối iod tại hộ gia đình	Hộ gd	60	0	0		0		15	0	0	0	0	0	15	0	0	15	0		15	0	
2	Điều tra KAP bà mẹ	BM	24	24	100		0		12	12	100	0	0	0	12	12	100		0			0	
B	Phòng chống Đái tháo đường						0																
1	Tập huấn kỹ năng thực hành cho cán bộ tham gia chương trình phòng chống ĐTD	Người	12	10			0		2	2	100	2	2	100	2	2	100	3	2	66.7	3	2	66.7
2	Tư vấn cho người tiền đái tháo đường	Cuộc	22	0	0		0		4	0	0	5	0	0	5	0	0	4	0	0	4	0	0
3	Thực hiện khám sàng lọc tại cộng đồng	Người	4.153	1.846	44		0		830	370	44.6	830	248	29.9	831	430	51.7	831	505	60.8	831	293	35.3
4	Số bệnh nhân ĐTD được quản lý điều trị tại Trạm Y	Người	486	467	96		0		97	73	75.3	97	96	99.0	97	103	106.2	97	116	119.6	98	79	80.6
C	Phòng chống Tăng huyết áp						0																
1	Số lượt cán bộ y tế được đào tạo	Cán bộ	12	13	108		3		2	2	100	2	2	100	2	2	100	3	2	67	3	2	67

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
2	Duy trì mô hình quản lý bệnh nhân THA	Xã	5	5	100		0		1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100
3	Phát hiện thông qua khám sàng lọc tại cộng đồng	Người	304	57	19		0		60	7	11.7	61	1	1.6	61	18	29.5	61	19	31.1	61	12	19.7
4	Số bệnh nhân THA được quản lý điều trị tại Trạm Y	Người	857	617	72		0		171	106	62.0	171	157	91.8	171	95	55.6	172	158	91.9	172	101	58.7
V	DINH DƯỠNG						0																
1	Trẻ em 6-36 tháng được uống Vitamin A	Trẻ	1.460	0	0		0		240	0	0	225	0	0	275	0	0	360	0	0	360	0	0
2	Bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A	BM		0	0	0	0		0	0		0	0		0	0		0	0		0	0	
3	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD cân nặng/ tuổi	%	10.19	0.0	10.19	10.19	0		10.8	0	0	14.1	0	0	9.82	0	0	8.61	0	0	9.12	0	0
4	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD chiều cao/ tuổi	%	12.3	0.0	12.30	12.3	0		18.03	0	0	16.9	0	0	9.09	0	0	10.72	0	0	9.51	0	0
5	Tập huấn Vitamin A - Dinh dưỡng	Lớp		0			0		0	0		0	0		0	0		0	0		0	0	
6	Số xã triển khai	Xã	5	5	100	5	0		1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100
7	Câu lạc bộ dinh dưỡng	Xã	5	5	100	5	0		1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100
8	Số trẻ < 5 tuổi	Trẻ	2.545	2.520	99	2.545	0		440	456	103.6	375	368	98.1	575	570	99.1	620	598	96.5	535	528	99
9	Số trẻ < 2 tuổi	Trẻ	889	869	98	889	0		170	152	89.4	127	142	111.8	175	181	103.4	210	168	80.0	200	226	113
VI	SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG- Y TẾ TRƯỜNG HỌC						0																
A	Vệ sinh môi trường						0																
1	Kiểm tra giám sát các CSYT có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	cơ sở	6	0	0		0		1	0	0	1	0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	0
2	Kiểm tra giám sát về quản lý chất thải y tế.	cơ sở	6	0	0		0		1	0	0	1	0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	0
3	Thực hiện ngoại kiểm đối với các đơn vị cấp nước	cơ sở	2	0	0		0		0	0		0	0		1	0	0	1	0	0	0	0	
4	Kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường các cơ sở sản xuất	cơ sở	1	0	0		0		0	0		0	0		0	0	0	1	0	0	0	0	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
5	Kiểm tra, giám sát nhà tiêu hộ gia đình trên địa bàn hiện có	hộ gd	410	119	29		0		85	23	27.1	80	24	30.0	80	25	31.3	85	24	28.2	80.0	23	28.8
6	Tỷ lệ HGD ở nông thôn có nhà tiêu HVS	%					0			0			0			0			0			0	
B	Y tế trường học																						
1	Trường được kiểm tra, giám sát các nội dung công tác y tế trường học	Trường	9	1	11		0		2	0	0	1	0	0	2	0	0	2	0	0	2	1	50
2	Số trường được hướng dẫn về công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh	Trường	9	2	22		0		2	0	0	1	0	0	2	0	0	2	0	0	2	2	100
C	Nha học đường						0																
1	Số trường thực hiện giáo dục SKRM cho HS tiểu học và HS mẫu giáo	Trường	11	0	0		0		3	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
2	Số HS tiểu học và mẫu giáo bán trú thực hiện chải răng tại trường	HS	290	0	0		0		60	0	0	20	0	0	140	0	0	0	0	0	70	0	0
3	Số trường có tổ chức cho HS súc miệng Natri Fluor 0.2%	Trường	7	0	0		0		2	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	2	0	0
4	Số HS được khám sức khỏe răng miệng	HS	1.000	834	83		0		200	0	0	200	0	0	200	0	0	200	0	0	200	834	417
VI	BỆNH NGHỀ NGHIỆP						0			0			0			0			0			0	
1	Tổ chức/phối hợp kiểm tra, giám sát các cơ sở lao động có nguy cơ phát sinh nhiều yếu tố nguy hiểm, có hại.	Cơ sở		0			0			0			0			0			0			0	
VII	PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS						0																
1	Số mẫu xét nghiệm sàng lọc HIV	Mẫu	650	255	39	650	255		-	0		-	0	0	-	0	0	-	0	0	-	0	0
2	Số người có nguy cơ cao được xét nghiệm	Người	50	28	56	50	28		-	0		-	0	0	-	0	0	-	0	0	-	0	0
3	Số Cas có HIV dương tính (mới)	Người	3	3	100	0	0		-	0	0	1	0	0	1	2	0	1	0	0	-	1	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
4	Số mẫu giám sát trọng điểm HIV	Mẫu	-				0		-	0		-	0		-	0		-	0		-	0	
5	Số mẫu giám sát trọng điểm STI	Mẫu	-				0		-	0		-	0		-	0		-	0		-	0	
6	Số người điều trị cai nghiện ma túy bằng Methadone	Người	-				0		-	0		-	0		-	0		-	0		-	0	
7	Số bệnh nhân điều trị ARV mới (người lớn và trẻ em)	BN	2	3	150		0		-	0	100	1	0	100	-	2	100	1	0	100	-	1	100
8	Tỷ lệ phụ nữ mang thai có HIV dương tính được điều trị dự phòng lây truyền từ mẹ sang con	%	95	90	95		0		95		100	95		100	95		100	95		100	95		100
9	Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống từ mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng ARV	%	100	90	90		0		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
10	Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc lao được điều trị đồng thời lao và ARV	%	92	90	98		0		92	100	108.7	92	100	109	92	100	108.7	92	100	108.7	92	100	108.7
11	Tỷ lệ xã tổ chức hoạt động truyền thông phòng, chống HIV/AIDS	%	100	500	0		0		100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0
12	Số điều trị dự phòng trước phối nhiễm HIV (PrEP)	Người	-				0		-	0		-	0		-	0		-	0		-	0	
VIII	SỨC KHỎE SINH SẢN						0																
A	Chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình						0																
	Số lượt người sử dụng các BPTT tại các cơ sở y tế	Lượt	2.154	1.921	89		5		304	99	32.6	279	270	96.8	401	427	106.5	575	749	130.3	595	562	94.5
2	Triệt sản	Người		0			0			0			0			0			0			0	
3	Vòng tránh thai	Người	500	399	80		0		73	20	27.4	64	29	45.3	100	87	87.0	131	170	129.8	132	93	70.5
4	Thuốc uống tránh thai	Người	600	550	92		0		77	25	32.5	71	89	125.4	107	128	119.6	168	173	103.0	177	135	76.3
5	Thuốc tiêm tránh thai	Người	450	166	37		5		76	29	38.2	72	44	61.1	86	22	25.6	107	34	31.8	109	32	29.4
6	Thuốc cấy tránh thai	Người	4	1	25		0		1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0	1	1	100.0	0	0	
7	Bao cao su	Người	600	805	134		0		77	25	32.5	71	108	152.1	107	190	177.6	168	371	220.8	177	111	62.7

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
B	Chỉ tiêu Chăm sóc SKBM						0			0			0			0			0				
1	Phá thai	Cas	10	0	0		0		2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
2	Khám phụ khoa	lượt	5200	1.647	32		45		920	361	39.2	850	340	40.0	1050	330	31.4	1160	178	15.3	1220	393	32.2
3	Điều trị phụ khoa	lượt	2340	590	25		19		440	160	36.4	400	29	7.3	490	164	33.5	500	81	16.2	510	137	26.9
4	Số phụ nữ đẻ trong năm	người	450	113	25		15		85	19	22.4	75	15	20.0	94	23	24.5	97	18	18.6	99	23	23.2
	+ Tr.đó: Số đẻ tuổi vị thành niên	Người	23	2	9		0		4	0	0.0	4	0	0.0	5	2	40.0	5	0	0.0	5	0	0.0
5	Phụ nữ đẻ được khám thai > 4 lần	Cas	405	111	27		14		76	19	25.0	68	15	22.1	85	23	27.1	87	17	19.5	89	23	25.8
	+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai > 4 lần	%	90	112	124		15		90	19	21.1	90	15	16.7	90	23	25.6	90	17	18.9	90	23	25.6
6	BM và trẻ SS được CS sau đẻ	Cas	437	113	26		15		82	19	23.2	73	15	20.5	92	23	25.0	94	18	19.1	96	23	24.0
	* Tỷ lệ BM và trẻ SS được CS sau đẻ	%	97	113	116		15		97	19	19.6	97	15	15.5	97	23	23.7	97	18	18.6	97	23	23.7
7	Số cas tử vong mẹ	Cas		0			0			0			0			0			0			0	
8	Tỷ suất tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ ra sống	‰		0			0			0			0			0			0			0	
C	Chỉ tiêu Chăm sóc SKTE																						
1	Số trẻ đẻ ra sống	Trẻ	450	113	25		15		85	19	22.4	75	15	20.0	94	23	24.5	97	18	18.6	99	23	23.2
	+ Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân	%	100	113	113		15		100	19	19.0	100	15	15.0	100	23	23.0	100	18	18.0	100	23	23.0
2	Số trẻ tử vong dưới 1 tuổi	Trẻ	5	0	0		0		1	0	0.0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0
	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	9,27	0			0		9,27	0		9,27	0		9,27	0		9,27	0		9,27	0	
3	Số trẻ tử vong dưới 5 tuổi	Trẻ	5	0	0		0		1	0		1	0		1	0	0	1	0	0	1	0	0
	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	11,50	0			0		11,50	0		11,50	0		11,50	0		11,50	0		11,50	0	
D	Chương trình lây truyền HIV từ mẹ sang con																						
1	Số PN có thai được tư vấn	Người	405	128	32		0		76	18	23.7	68	20	29.4	85	30	35.3	87	36	41.4	89	24	27.0



TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
2	Số PN có thai được xét nghiệm máu	Người	315	84	27		0		61	12	19.7	56	20	35.7	65	21	32.3	66	7	10.6	67	24	35.8
IX	DÂN SỐ						0			0			0			0			0			0	
1	Tăng tỷ lệ sinh	%	0,20	0	đạt	0,20	0		0,20		đạt	0,20		đạt	0,20		đạt	0,20		đạt	0,20		đạt
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	8,6	0	đạt	8,80	0		10		đạt	8,80		đạt	10		đạt	8,20		đạt	10		đạt
3	Tỷ lệ giới tính khi sinh (bé trai /100 bé gái)	%	107	0	0	107	0		107		0	107		0	107		0	107		0	107		0
4	Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại	Người	2.139	1.482	69		0		290	228	78.6	275	220	80.0	561	341	60.8	532	340	63.9	481	353	73.4
4.1	Dụng cụ tử cung	Người	430	360	84		0		65	43	66.2	65	45	69.2	115	84	73.0	115	83	72.2	118	105	89.0
4.2	Thuốc cấy tránh thai	Người	02	1	50		0		-			-			1	1	100	1	0	0.0	-	0	
4.3	Thuốc tiêm tránh thai	Người	100	83			0		15	20	133.3	20	21	105.0	25	16	64	20	14	70.0	20	12	60.0
4.4	Viên uống tránh thai	Người	716	497			0		110	87	79.1	100	75	75.0	170	112	65.9	166	116	69.9	170	107	62.9
4.5	Bao cao su	Người	843	541			0		100	78	78.0	90	79	87.8	250	128	51.2	230	127	55.2	173	129	74.6
5	Khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi	Người	2.590	485			0		345	0	0.0	330	285	86.4	430	0	0	430	100	23.3	430	100	23.3
6	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	%	219	74			0		25	16	64	25	28	112	59	10	17	55	8	15	55	12	22
7	Tỷ lệ sàng lọc sau sinh	%	306	41			0		55	8	15	41	18	44	70	7	10	70	3	4	70	5	7
8	Tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn	Cặp	-	2			0		-	0		-	2		0	0		0	0		0	0	
X	TRUYỀN THÔNG, GIÁO DỤC SỨC KHỎE																						
1	Số phòng, góc tư vấn sức khỏe	Phòng, góc	6	8	133	1	3		1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100
2	Số lần tư vấn	Lần	6.000	2.426	40	1.200	333		800	290	36.3	800	326	40.8	1.200	577	48.1	1.000	413	41.3	1.000	487	48.7
3	Số lớp tập huấn TT-GDSK	Lớp	4	1	25	4	1			0			0			0			0			0	
4	Số lần nói chuyện chuyên đề sức khỏe tại cụm dân cư, trường học, đoàn thể	Lần	25	10	40	4	3		4	2	50	4	1	25	5	2	40	4	1	25	4	1	25
5	Số tin, bài, ảnh gửi đăng trên bản tin sức khỏe Kiên Giang	Tin, bài, ảnh	12	6	50	7	6		1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0
6	Tin bài gửi phát trên đài truyền thanh huyện	Tin, bài	70	30	43	60	30		2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
7	Tin bài gửi phát trên đài truyền thanh xã, Trạm Y tế	Tin, bài	400	76	19		0		80	20	25.0	80	12	15.0	80	15	18.8	80	14	17.5	80	15	18.8
8	Hợp nhóm liên quan đến TT-GDSK tại cụm dân cư	Lần	200	77	39		0		40	15	37.5	40	15	37.5	40	16	40.0	40	16	40.0	40	15	37.5
9	Thăm hộ gia đình liên quan đến TT-GDSK	Lần	6.000	2.499	42		0		1.200	369	30.8	1.200	410	34.2	1.200	633	52.8	1.200	531	44.3	1.200	556	46.3
XI	CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO																						
1	Xét nghiệm lao	Người	322	111	34		0		55	17	9.0	50	17	10.0	70	24	11.0	71	25	12.0	76	28	11.0
2	Số BN QL điều trị	BN	96	187	195		0		15	28	92.0	24	35	286.0	20	51	75.0	16	41	27.0	21	32	54.0
3	Số bệnh nhân lao phát hiện	BN	50	12	24		0		8	1	17.0	8	4	0.0	11	2	14.0	11	2	8.0	12	3	8.0
4	BN thu dung	BN	50	12	24		0		8	1	17.0	8	4	0.0	11	2	14.0	11	2	8.0	12	3	8.0
5	Lao phổi mới (+)	BN	36	11	31		0		6	1	0.0	6	4	0.0	8	2	0.0	8	1	11.0	8	3	0.0
6	Lao phổi (+) tái trị; LP AFB (-); Lao ngoài phổi	BN	14	1	7		0		2	0	50.0	2	0	0.0	3	0	33.0	3	1	0.0	4	0	25.0
7	BN khỏi bệnh các thể	BN	41	45	110		0		6	14	100.0	15	8	367.0	8	9	80.0	4	5	33	8	9	45.0
8	Xét nghiệm HIV cho BN lao	%	≥95	≥95	≥95		0		≥95	≥95	≥95	≥95%	≥95	≥95	≥95%	≥95	≥95	≥95%	≥95	≥95	≥95%	≥95	≥95
XII	CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE TÂM THẦN																						
1	Số bệnh nhân mới phát hiện	BN		0			0		0	0		0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0
	Tâm thần phân liệt	BN		0			0		0	0		0	0		1	0	0	0	0	0	0	0	0
	Động kinh	BN		0			0		0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
2	Kiểm tra giám sát	Lần	2	6	0		0		1	8		1	8	0	0	8	0	0	8	0	0	8	0
3	Số lượt khám bệnh	Lượt	610	318	52		0		120	30	25	120	30	25	144	36	25	156	39	25	96	24	25
XIII	AN TOÀN THỰC PHẨM						0			0			0			0			0			0	
1	Giấy chứng nhận đủ ĐKATTP	Hồ sơ	5	0	0	5	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Số lượt thanh, kiểm tra	Lượt	161	37	23		0		35	12	34.3	12	3	25.0	50	15	30.0	46	5	10.9	18	2	11.1
3	Mẫu xét nghiệm labo	mẫu	25	0	0	25	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Mẫu test nhanh	Mẫu	30	0	0	30	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
XV	CÁC DỊCH BỆNH KHÁC						0			0			0			0			0			0	
1	Tay Chân Miệng	Cas	0	2			0			1			0			1			0			0	
2	Viêm gan virus	Cas	0	0			0			0			0			0			0			0	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
3	Thương hàn	Cas	0	0			0			0			0			0			0			0	
4	Sởi	Cas	0	7			0			1			2			2			2			0	
XV	GHI NHẬN Ồ DỊCH																						
1	Tay Chân Miệng	Cas		0			0			0			0			0			0			0	
2	Viêm gan virus	Cas	0	0			0			0			0			0			0			0	

